

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56A/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08/5/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ngân

Bà Võ Thị Bời

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1205/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Cẩm T1**

Địa chỉ: Thôn H, xã C1, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Lê Văn T2**

Địa chỉ: 32/6 CH, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T1 trình bày:

Bà và ông Lê Văn T2 tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã C1, thành phố C năm 2013.

Trong thời gian chung sống với nhau, giữa bà và ông T2 phát sinh nhiều mâu thuẫn do không phù hợp về tình tình và bất đồng quan điểm sống. Ông T2 không có trách nhiệm với gia đình, không lo tu chí làm ăn mà thường xuyên nhậu nhẹt, vô cớ đánh đập vợ con. Bà đã chịu đựng nhiều năm nay, cũng đã khuyên nhủ nhiều lần và cho ông T2 nhiều cơ hội để thay đổi, hàn gắn gia đình

nhưng ông T2 không thay đổi. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà và ông T2 đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, mạnh ai nấy sống nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T2.

Về con chung: Bà và ông T2 có 02 con chung là Lê Nguyễn Anh K, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Lê Nguyễn Anh V, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2016, các con hiện đang sinh sống cùng với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Văn T2: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với ông T2 nhưng ông T2 không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của ông Lê Văn T2 đối với các vấn đề cần giải quyết của vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T1 và ông Lê Văn T2 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Cẩm T1 được ly hôn với ông Lê Văn T2; về con chung: Giao 02 con chung là Lê Nguyễn Anh K, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Lê Nguyễn Anh V, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2016 cho bà T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Cẩm T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Văn T2 cư trú tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T1 và ông Lê Văn T2 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C1, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 06 tháng 7 năm 2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà T1 cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông T2 không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T2 không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Vợ chồng bất hòa, không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T2 nhiều lần để làm việc, tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông T2 đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông T2 có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình với bà T1.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T1 và ông T2 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T1 là có cơ sở, phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T1 và ông Lê Văn T2 có 02 con chung là Lê Nguyễn Anh K, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Lê Nguyễn Anh V, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2016. Xét thấy: Các cháu Anh K, Anh V hiện đang sinh sống ổn định cùng bà T1, cháu K cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của các con về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T1 về việc nuôi con; giao các cháu K, V cho bà T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T2 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T1 không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T1 được ly hôn ông Lê Văn T2.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Anh K, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Lê Nguyễn Anh V, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Ông Lê Văn T2 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T1 không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T1 phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002652 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi Tính án dân sự thành phố Nha Trang. Bà T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP Nha Trang;
- Chi cục THADS TP Nha Trang;
- UBND xã C1, TP C (GCNKH số 35 ngày 06/7/2013)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quỳnh Trang